



Số: ~~18~~ /2019/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày **06** tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nhiệm vụ chi, nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ
môi trường từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHOÁ XV - KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Sau khi xem xét Tờ trình số 280/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành nghị quyết quy định một số nội dung chi, mức chi thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ nguồn ngân sách tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 284/BC-KTNS ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nhiệm vụ chi, nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XV - Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020. / *ph*

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Tài nguyên và MT;
- Cục kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước khu vực VII;
- TT TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TP;
- VP.TU, HĐND, UBND; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Báo, Đài PTTH, Công báo, Công TTĐT tỉnh;
- Chuyên viên TH;
- Lưu: VT, TH. *th*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vịnh

QUY ĐỊNH

**Nhiệm vụ chi, nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường
từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 48 /2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12
năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nhiệm vụ chi, nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường do ngân sách nhà nước đảm bảo trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Các nội dung không quy định tại văn bản này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường.

Điều 2. Nhiệm vụ chi của ngân sách các cấp

1. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

a) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chương trình, đề án về bảo vệ môi trường của tỉnh;

b) Xây dựng, thẩm định và công bố quy hoạch bảo vệ môi trường của tỉnh; hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền của tỉnh; thẩm định các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được chi từ nguồn sự nghiệp môi trường, thuộc trách nhiệm của tỉnh;

c) Hoạt động của hệ thống quan trắc và phân tích môi trường do các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quản lý theo Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (bao gồm vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định, thay thế thiết bị phụ trợ, công cụ, dụng cụ); xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường của tỉnh;

d) Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường của tỉnh (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh; phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường của tỉnh;

đ) Hỗ trợ công tác quản lý chất thải, điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, đánh giá sức chịu tải của môi trường thuộc nhiệm vụ của tỉnh

theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ;

e) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường (bao gồm xây dựng và phổ biến các mô hình, điển hình tiên tiến, tiêu biểu về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý, xử lý chất thải, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường theo quyết định của cấp có thẩm quyền); tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường; chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền quyết định;

f) Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường (bao gồm bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của tỉnh và theo quyết định của cấp có thẩm quyền; hoạt động kiểm tra hiện trạng trước thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án; kiểm tra hoàn thành Đề án bảo vệ môi trường chi tiết; kiểm tra, xác nhận hoàn thành khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, kiểm tra việc thực hiện quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của tỉnh;

g) Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường; chấp thuận điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường (văn phòng phẩm, phô tô tài liệu, làm thêm giờ, kiểm tra thực tế, xin ý kiến chuyên gia ...);

h) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định.

i) Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi sự nghiệp về bảo vệ môi trường;

k) Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường (bao gồm thu thập, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin dữ liệu); thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê môi trường của tỉnh; báo cáo công tác bảo vệ môi trường của tỉnh.

l) Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra, nghiệm thu dự án), gồm: Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích do địa phương quản lý (đối với dự án có tính chất chi sự nghiệp bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường), thuộc danh mục dự án theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp chất thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh (không bao gồm hoạt động xây dựng cơ sở xử lý chất thải). Dự án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

m) Hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết

toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

n) Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ thiết bị, phương tiện thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư theo quyết định của cấp có thẩm quyền; hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường (hợp tác xã, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội).

o) Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển.

p) Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện

a) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường; chi khen thưởng cho tổ chức và cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định;

b) Tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường, xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án, quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện theo thẩm quyền;

c) Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường của huyện;

d) Hỗ trợ công tác quản lý chất thải, điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, đánh giá sức chịu tải của môi trường trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ;

đ) Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt theo thẩm quyền (bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra, nghiệm thu dự án); Dự án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

e) Hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị, phương tiện thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư trên địa bàn huyện; hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường (Hợp tác xã, tổ dân phố, các tổ chức chính trị xã hội).

g) Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng do cấp huyện quản lý; hỗ trợ các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý và chôn lấp rác thải sinh hoạt trên địa bàn các xã, thị trấn.

h) Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường;

i) Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường theo thẩm quyền;

k) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định;

l) Chi hỗ trợ các hoạt động khác liên quan đến bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với từng trường hợp cụ thể.

3. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

a) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về môi trường trên địa bàn; vận động nhân dân thực hiện nội dung bảo vệ môi trường trong các quy định, hương ước của thôn, bản, khu dân cư; chi khen thưởng cho tổ chức và cá nhân được cấp xã quyết định;

b) Lập, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn và tổ chức thực hiện; hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm việc thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp xã;

c) Quản lý, vận hành và duy tu, bảo dưỡng các dự án, công trình bảo vệ môi trường trên địa bàn được cấp có thẩm quyền giao; hỗ trợ hoạt động giảm thiểu, mua sắm trang thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn quản lý;

d) Hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường trên địa bàn xã (Hợp tác xã, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội) theo thẩm quyền;

đ) Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn thuộc trách nhiệm của cấp xã và cấp có thẩm quyền giao.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí chi cho nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo.

Điều 4. Một số nội dung chi và mức chi hoạt động bảo vệ môi trường

TT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi cấp tỉnh (1.000 đồng)	Mức chi cấp huyện (1.000 đồng)	Mức chi cấp xã (1.000 đồng)
1	Lập nhiệm vụ, dự án về môi trường:				
1.1	Lập nhiệm vụ	nhiệm vụ	1.500	1.000	
1.2	Lập dự án	dự án			
	Dự án có giá trị dưới 2 tỷ đồng	dự án	3.000	2.000	
	Dự án có giá trị từ 2 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng	dự án	3.500	2.500	
	Dự án có giá trị từ 10 tỷ đồng	dự án	4.000	3.000	

TT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi cấp tỉnh (1.000 đồng)	Mức chi cấp huyện (1.000 đồng)	Mức chi cấp xã (1.000 đồng)
1.3	Lập dự án có tính chất như dự án đầu tư		Áp dụng theo quy định như nguồn vốn đầu tư	Áp dụng theo quy định như nguồn vốn đầu tư	
2	Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ				
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	500	350	
	Thành viên, thư ký	người/buổi	200	150	
	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	100	70	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	500	350	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	300	200	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án/nhiệm vụ bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)				
	- Lấy ý kiến thẩm định dự án/nhiệm vụ bằng văn bản của nhà quản lý	Bài viết	200	150	
	- Lấy ý kiến thẩm định dự án/nhiệm vụ bằng văn bản của chuyên gia	Bài viết	500	350	
4	Điều tra, khảo sát				
4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500	350	
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin				
	- Cá nhân	Phiếu			
	+ Đến 30 chỉ tiêu	Phiếu	30	20	
	+ Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	Phiếu	40	30	
	+ Trên 40 chỉ tiêu		50	35	
	- Tổ chức	Phiếu			
	+ Đến 30 chỉ tiêu	Phiếu	70	50	
	+ Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	Phiếu	80	55	
	+ Trên 40 chỉ tiêu	Phiếu	90	65	
4.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người /ngày công	Mức tiền công 01 người/ngày bằng 180% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy	Mức tiền công 01 người/ngày bằng 180% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy	

TT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi cấp tỉnh (1.000 đồng)	Mức chi cấp huyện (1.000 đồng)	Mức chi cấp xã (1.000 đồng)
			định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	
	Chi cho người dẫn đường	người/ngày	100	100	
	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	người/ngày	200	200	
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:	Báo cáo			
	- Nhiệm vụ		4.000	3.000	
	- Dự án				
	Dự án có giá trị dưới 2 tỷ đồng		10.000	7.000	
	Dự án có giá trị từ 2 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng		12.000	8.500	
	Dự án có giá trị từ 10 tỷ đồng		15.000	10.500	
6	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ về môi trường				
6.1	Nghiệm thu nhiệm vụ:				
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	400	300	
	Thành viên, thư ký	người/buổi	200	150	
6.2	Nghiệm thu dự án:				
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	500	350	
	Thành viên, thư ký hội đồng	người/buổi	200	150	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	bài viết	500	350	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	bài viết	300	200	
	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	100	70	
7	Thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường; báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo phục hồi môi trường/phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung; chấp thuận tiếp tục sử dụng báo cáo đánh giá tác động môi trường; và thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)				
a	Hội đồng thẩm định				
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	500		
	Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)	người/buổi	300		
	Ủy viên, thư ký hội đồng	người/buổi	200		
	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	100		
b	Chi bản nhận xét, đánh giá của thành viên hội đồng thẩm định				

TT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi cấp tỉnh (1.000 đồng)	Mức chi cấp huyện (1.000 đồng)	Mức chi cấp xã (1.000 đồng)
	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Bài viết	500		
	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Bài viết	300		
c	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét không quá 03 bài viết/dự án)	Bài viết	400		
8	Hội thảo khoa học (nếu có)				
	Người chủ trì	người/buổi	200	150	100
	Thư ký hội thảo	người/buổi	150	100	80
	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	70	50	40
	Báo cáo tham luận	Bài viết	300	200	150
9	Chi giải thưởng môi trường:				
	- Tổ chức, cộng đồng	Giải	6.000		
	- Cá nhân	Giải	3.000		

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vịnh